

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/KDTM-ST

Ngày: 18-8-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vương Thị Khánh Loan.

Ông Huỳnh Phi Hồ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 56/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A

Địa chỉ trụ sở chính: Số 51, N, phường P, Thành phố A, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ L – Chức vụ: Giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:* Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn L và các cộng sự

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn L và các cộng sự:* Bà D.

Địa chỉ: Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà C, phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2021).

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V

Địa chỉ: Số 457, đường C, tổ 9, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

(Bà D và ông D có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 10/9/2020, sau khi nhận được bản Báo giá khách hàng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V (gọi tắt là Công ty V) gửi qua mạng xã hội Zalo (số điện thoại đăng ký tài khoản Zalo là 0945662669 của Công ty V được ghi nhận trong hợp đồng hai bên ký kết sau này), Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A (gọi tắt là Công ty A) đã xác nhận về việc giao kết đơn hàng là Tôn xanh ngọc dày 0.35mm và Tôn Nam Hưng với tổng số tiền là 676.000.000đồng.

Ngày 11/9/2020, để thực hiện việc mua bán nói trên, Công ty A và Công ty V đã ký hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/TTVN-VN/2020 (gọi tắt là Hợp đồng số 01) về việc mua bán tôn thép các loại.

Sau đó, theo thỏa thuận của hai bên và căn cứ theo nhu cầu thực tế, Công ty A và Công ty V đồng ý mua bán số hàng cụ thể được liệt kê tại Tổng hợp đơn đặt hàng của Công ty V, với tổng giá trị đơn hàng là 696.956.000 đồng.

Tính đến ngày 17/11/2020, Công ty A đã tiến hành thanh toán tiền hàng cho Công ty V ba đợt đến số tài khoản của Công ty V tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, cụ thể:

- Đợt 1 (ngày 11/9/2020) thanh toán 338.000.000đồng;
- Đợt 2 (ngày 25/9/2020) thanh toán 200.000.000đồng;
- Đợt 3 (ngày 17/11/2020) thanh toán 158.956.000đồng.

Theo Điều 5.1 của hợp đồng nguyên tắc đã ký, Công ty V cam kết sẽ cung cấp đúng, đủ số lượng hàng hóa theo đơn hàng Công ty A đã xác nhận về chủng loại, số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, sau khi giao hàng đợt 1 và đợt 2, Công ty V không tiến hành giao hàng đợt 3 tương đương số tiền 262.732.800đồng cho Công ty A gồm:

- 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m;
- 626 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 0.300m;
- 86 tấm úp nóc K600 chân 250\*350mm, chiều dài 6.000m.

Vào ngày 18/12/2020, Công ty A đã gửi đơn đề nghị giao hàng, theo đó Công ty A yêu cầu Công ty V giao hết số hàng đợt 3 trong vòng 03 ngày kể từ ngày 19/12/2020 đến hết ngày 21/12/2020 cho Công ty A.

Tuy nhiên, Công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, Công ty A khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải tiếp tục thực hiện hợp đồng nguyên tắc số 01 giao cho Công ty A số hàng hóa gồm: 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m; 626 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 0.300m và 86 tấm úp nóc K600 chân 250\*350mm, chiều dài 6.000m tại địa chỉ công trình của Công ty A ở Ấp 1, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời, buộc Công ty V thanh toán cho Công ty A số tiền phạt vi phạm hợp đồng là:  $262.732.800 \text{ đồng} \times 8\% = 21.018.624 \text{ đồng}$ .

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, Tòa án đã nhận được Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A đề ngày 21/4/2022 đề thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện gửi qua đường bưu chính. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 252.563.456 đồng, trong đó: Giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là 232.003.200 đồng, tiền phí vận chuyển đợt 3 là 2.000.000 đồng, tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng.

Ngày 18/5/2022, theo văn bản trình bày ý kiến tại Tòa án thì Công ty A chỉ yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 250.563.456 đồng, trong đó: Giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là 232.003.200 đồng, tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng (không yêu cầu đối với tiền phí vận chuyển đợt 3 là 2.000.000 đồng nữa).

Tại phiên tòa, Công ty A tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng. Theo đó, Công ty A chỉ yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty A số tiền tương đương giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là 232.003.200 đồng.

Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

**Theo bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông D trình bày:**

Vào tháng 9/2020, Công ty V có giao kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa với Công ty A, mặt hàng tôn thép các loại. Khi Công ty A báo về nhu cầu đặt hàng thì Công ty V sẽ làm bảng báo giá tại thời điểm đặt hàng, nếu Công ty A đồng ý thì sẽ ký đơn hàng và chuyển tiền thanh toán qua tài khoản ngân hàng của Công ty V. Căn cứ vào đơn hàng, Công ty V sẽ cung cấp cho Công ty A tại kho của Công ty V. Khi Công ty A có nhu cầu giao hàng tại công trình của mình thì Công ty V sẽ liên hệ xe vận chuyển giúp Công ty A chở hàng tới công trình. Thực hiện thỏa thuận thì Công ty A phải nhận hết toàn bộ đơn hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký đơn đặt hàng là 10/9/2020. Tuy nhiên, Công ty A không nhận hàng vào 03 lần và thời gian nhận hàng quá lâu (khoảng 02 tháng) so với đơn đặt hàng. Tuy vậy, Công ty V vẫn hỗ trợ Công ty A sản xuất và giao hàng thành 03 đợt khác nhau. Do thời gian ký đơn hàng tới thời gian nhận hàng quá lâu nên hàng hóa bên Công ty cung cấp có sự thay đổi. Trước khi thay đổi Công ty V đã thông báo qua điện thoại và Zalo cho anh Lâm của Công ty A, được sự thống nhất đồng ý của anh Lâm thì Công ty V mới sản xuất và giao tiếp số lượng còn lại tới công trình của Công ty A tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đợt 1 và đợt 2, Công ty V giao hàng cho Công ty A bình thường. Đến đợt 3, Công ty A đặt hàng thì Công ty V đồng ý hỗ trợ giao hàng cho Công ty A tại công trình của Công ty A tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, khi giao tới thì bên Công ty A không nhận hàng nên Công ty V phải chở hàng về kho đối với 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m, còn 02 loại là 626 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 0.300m và 86 tấm úp nóc K600 chân 250\*350mm đã giao tại công trình của A tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A thì Công ty V chỉ đồng ý hoàn trả giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m (tương đương số tiền 232.003.200 đồng như Công ty A trình bày) mà Công ty A chưa nhận của đợt 3. Nhưng Công ty V yêu cầu Công ty A phải hỗ trợ lại phần thiệt hại về việc tôn đã cắt sản xuất theo yêu cầu của Công ty A và bị rỉ sét là 25% của giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m (tương đương số tiền 58.000.000 đồng) và không tính tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng.

#### **Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là số tiền 232.003.200 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu, không trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng do tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục ủy quyền của nguyên đơn là Công ty A đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn có mặt theo triệu tập của Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, ông D – Người đại diện theo pháp luật của Công ty V yêu cầu Công ty A phải hỗ trợ lại phần thiệt hại về việc tôn đã cắt sản xuất theo yêu cầu của Công ty A và bị rỉ sét là 25% của giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m (tương đương số tiền 58.000.000 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án và trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn là Công ty V không có đơn phản tố nộp cho Tòa án để được xem xét theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu (theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty A tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào văn bản số 181 ngày 25/5/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xác định Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V có địa chỉ tại số 457 C, tổ 9, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Công ty A khởi kiện Công ty V tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng nguyên tắc số 01 thỏa thuận mua bán tôn, thép các loại. Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 Luật thương mại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Công ty A là nguyên đơn, Công ty V là bị đơn trong vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Công ty A căn cứ vào các chứng cứ là “*chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi, tổng hợp đơn đặt hàng, bảng báo giá, bản sao tin nhắn, đơn đề nghị giao hàng hóa, hợp đồng nguyên tắc*” thể hiện Công ty A và Công ty V có thỏa thuận mua hàng hóa là tôn thép các loại. Theo đó, Công ty A đã thanh toán cho Công ty V số tiền của đợt giao hàng thứ ba đối với 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m; 626 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 0.300m; 86 tấm úp nóc K600 chân 250\*350mm, chiều dài 6.000m, nhưng Công ty V chưa giao đủ 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m cho Công ty A.

Quá trình làm việc, ông Duy – người đại diện theo pháp luật của Công ty V xác định: Giữa Công ty V và Công ty A có giao kết các hợp đồng nguyên tắc để mua bán hàng hóa là tôn, thép các loại. Công ty A có chuyển tiền để thanh toán các đơn đặt hàng như Công ty A đã trình bày. Tuy nhiên, đợt giao hàng thứ 3, bên Công ty A không nhận hàng nên Công ty V phải chờ hàng về kho đối với 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m; còn 02 loại là 626 tấm tôn xanh

ngọc dày 0.35mm, chiều dài 0.300m và 86 tấm úp nóc K600 chấn 250\*350mm Công ty V đã giao tại công trình của A tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A thì Công ty V chỉ đồng ý hoàn trả giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m (tương đương số tiền 232.003.200 đồng như Công ty A trình bày) mà Công ty A chưa nhận của đợt 3. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty V chưa giao đủ số hàng hóa theo thỏa thuận của hai bên là 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m cho Công ty A.

Về trị giá của của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m, các đương sự thống nhất là tương đương số tiền 232.003.200 đồng nên ghi nhận là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty A giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là 232.003.200 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 11.600.160 đồng (Mười một triệu, sáu trăm, một trăm sáu mươi đồng).

[6] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35 và Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 184, Điều 200, Điều 244, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 24, 37, 44, 50, 56, 306 Luật Thương mại; Khoản 7 Điều 4, Điều 13 Luật Doanh nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A giá trị của 624 tấm tôn xanh ngọc dày 0.35mm, chiều dài 7.150m mà Công ty V chưa giao là số tiền 232.003.200 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu, không trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 18.560.256 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 11.600.160 đồng (Mười một triệu, sáu trăm, một trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai số 0001423 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**